

Bản án số: **35/2021/DS-ST**.

Ngày: 25/3/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng ủy quyền
tham gia hợp đồng góp hội”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Phước Tường**.

+ Ông **Thân Văn Kỳ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Thế Vinh** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia
phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền
Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 455/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 11 năm
2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng ủy quyền tham gia hợp đồng góp hội” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm
2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Ngọc L**, sinh năm 1950. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1966. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Trần Thị N**, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1976. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I/ Phần trình bày của Nguyên đơn bà Trần Ngọc L.

*Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ
án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Ngọc L trình bày:*

Bà với bà C là chị em ruột, bà có nhờ bà C góp dùm 03 dây hội, cụ thể như
sau:

- Dây hội mở ngày 06/4/2020 (a1) hội tiền mỗi phần 1.000.000đ, dây hội có 20
phần, mỗi tháng khai một lần. Bà L nhờ bà C góp 02 phần. Bà L góp được 05 kỳ
(05 tháng). Vốn là 7.600.000đ, tính lãi là 10.000.000đ.

- Dây hội mở ngày 20/4/2020 (a1) hội tiền mỗi phần 2.000.000đ, dây hội có 16
phần, mỗi tháng khai một lần. Bà L nhờ bà C góp 01 phần. Bà L góp được 04 kỳ
(04 tháng). Vốn là 6.380.000đ, tính lãi là 8.000.000đ.

-Dây hội mở ngày 15/5/2020 (al) hội tiền mỗi phần 2.000.000đ, dây hội có 13 phần, mỗi tháng khai một lần. Bà L nhờ bà C góp 01 phần. Bà L góp được 03 kỳ (03 tháng). Vốn là 5.100.000đ, tính lãi là 6.000.000đ.

Nay bà Trần Ngọc L yêu cầu bà C hốt hội cho bà thì bà C không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Nay bà Trần Ngọc L yêu cầu bà C trả cho bà tổng cộng 03 dây hội, tính hội có lãi là 24.000.000đ và trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

II/ Phần trình bày của bị đơn Trần Thị C:

Bà Trần Thị C trình bày: Bà Trần Ngọc L có nhờ bà góp dùm 03 dây hội như bà L trình bày là đúng. Dây hội mở ngày 06/4/2020 (al) và dây hội mở ngày 20/4/2020 (al), bà góp hội do bà Trần Thị N làm đầu thảo. Dây hội mở ngày 15/5/2020 (al) bà góp hội do bà Nguyễn Thị L làm đầu thảo. Nhưng khi nhờ bà góp hội dùm bà L có nói là khi nào hội mãn sẽ hốt. Nay bà L hốt hội bà không đồng ý, vì sợ sau khi bà L hốt sẽ không đóng hội chết.

III/ Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị N và bà Nguyễn Thị L tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng tại phiên hòa giải và bản tự khai gửi cho Tòa án hai bà xác định có mở hội và làm đầu thảo. Bà C có tham gia góp hội như trình bày trên là đúng. Nhưng hai bà không biết bà C tham gia hợp đồng góp hội là góp dùm bà Trần Ngọc L. Bà C là hội viên của các dây hội hai bà mở, hai bà không biết bà Trần Ngọc L, nếu bà C có yêu cầu hốt hội thì hai bà đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng dân sự:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng ủy quyền tham gia hợp đồng góp hội với bị đơn bà Trần Thị C có địa chỉ tại ấp An Bình Đông, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-Về việc giải quyết vắng mặt đương sự:

Người liên quan bà Trần Thị N vắng mặt không có lý do và bà Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt. Nhận thấy bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và bà Thảo có đơn xin vắng mặt nộp cho Tòa án là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp qui định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt hai người này.

-Về quan hệ tranh chấp:

Bà Trần Ngọc L khai bà nhờ em ruột là bà Trần Thị C góp dùm 03 dây hội, nay bà có yêu cầu được hốt nhưng bà C không đồng ý nên bà khởi kiện. Quan hệ tranh chấp này đã được Tòa án Thụ lý, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử cần xác định đúng quan hệ tranh chấp này là “Hợp đồng ủy quyền tham gia Hợp đồng góp hội” và đưa ra xét xử là có căn cứ và đúng qui định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Trần Ngọc L với bà Trần Thị C trình bày thống nhất là bà Trần Ngọc L có nhờ em ruột là bà C góp hụi. Cụ thể hai dây hụi do bà Trần Thị N làm đầu thảo là: Dây hụi mở ngày 06/4/2020 (al) hụi tiền mỗi phần 1.000.000đ, dây hụi có 20 phần, mỗi tháng khui một lần. Bà L nhờ bà C góp 02 phần, bà L góp được 05 kỳ (05 tháng). Vốn là 7.600.000đ, tính lãi là 10.000.000đ và dây hụi mở ngày 20/4/2020 (al) hụi tiền mỗi phần 2.000.000đ, dây hụi có 16 phần, mỗi tháng khui một lần, bà L nhờ bà C góp 01 phần. Bà L góp được 04 kỳ (04 tháng). Vốn là 6.380.000đ, tính lãi là 8.000.000đ.

Còn dây hụi mở ngày 15/5/2020 (al) hụi tiền mỗi phần 2.000.000đ, dây hụi có 13 phần, mỗi tháng khui một lần. bà L nhờ bà C góp 01 phần. Bà L góp được 03 kỳ (03 tháng). Vốn là 5.100.000đ, tính lãi là 6.000.000đ do bà Nguyễn Thị L làm đầu thảo.

Hai bên bà Trần Ngọc L và bà Trần Thị C thống nhất cả 03 dây hụi này vốn bà L đưa tiền bà C góp vào là 19.080.000đ vốn và tiền lãi phát sinh của ba dây hụi là 4.920.000đ. Cộng chung là 24.000.000đ.

Nay bà Trần Ngọc L yêu cầu bà C hốt hụi cho bà thì bà C không đồng ý phát sinh tranh chấp. Nay bà Trần Ngọc L yêu cầu bà C trả cho bà tổng cộng 03 dây hụi tính hụi có lãi là 24.000.000đ và trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà C đồng ý trả lại tiền vốn đã góp vào ban đầu góp vào là 19.080.000đ và trả vào cuối hụi.

Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N và bà Nguyễn Thị L là người làm đầu thảo các dây hụi này khai bà C có tham gia hợp đồng góp hụi như lời khai của nguyên đơn. Tuy nhiên từ khi mở hụi đến nay chỉ biết bà C là hụi viên và không có giao dịch góp hụi với bà Trần Ngọc L và có ý kiến nếu bà C hốt hụi thì hai bà chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Ngọc L thừa nhận là khi ủy quyền cho bà C tham gia hợp đồng hụi, hai bên cũng không có thỏa thuận thời gian hốt hụi và cách góp hụi sau khi hốt là như thế nào cũng như tiền thù lao trong hợp đồng này. Sau khi bà Trần Ngọc L ngưng hụi thì bà C vẫn tiếp tục góp các dây hụi này cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Ngọc L khai bà cũng không biết bà C góp hụi do ai làm đầu thảo. Đồng thời bà Trần Thị N và bà Nguyễn Thị L là người làm đầu thảo hụi cũng xác định bà C có tham gia hợp đồng góp hụi do hai bà làm đầu thảo với số tiền góp như trình bày của nguyên đơn và bị đơn là đúng. Như vậy cần xác định bà Trần Ngọc L ủy quyền cho bà C tham gia hợp đồng góp hụi do bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị N làm đầu thảo là có thật. Mặt khác các dây hụi hiện nay chưa mãn. Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Ngọc L yêu cầu bà C trả lại tiền các dây hụi này tính luôn cả phần lãi suất phát sinh và trả sau khi án có hiệu lực pháp luật. Còn bà C có ý kiến là chỉ chấp nhận là trả lại phần vốn bà Trần Ngọc L góp vào và trả sau khi mãn hụi.

Nhận thấy khi tham gia hợp đồng ủy quyền này hai bên không thỏa thuận bằng văn bản rõ ràng cụ thể, về thời gian tham gia ủy quyền, trách nhiệm của các bên khi tham gia ủy quyền và nội dung khi tham gia ủy quyền, cũng như việc hốt hụi và góp hụi lại sau khi hốt. Tại phiên tòa hôm nay người ủy quyền và người nhận ủy cũng không đưa ra được chứng cứ xác định phía còn lại là người có lỗi khi tham gia giao dịch hợp đồng ủy quyền này. Nên không có căn cứ để đối chiếu việc thực hiện hợp đồng ủy quyền này theo qui định pháp luật nhằm có cơ sở xác định ai là người vi phạm hợp đồng ủy quyền này. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ

xác định hợp đồng này bị vô hiệu do lỗi của cả hai bên khi tham gia hợp đồng. Vậy cần buộc bà C trả lại số tiền bà Trần Ngọc L đã giao cho bà số tiền trong hợp đồng này là có căn cứ đúng qui định pháp luật.

-Xét thời gian trả: Do hợp đồng ủy quyền này bị vô hiệu do lỗi của hai bên, do đó cần buộc bị đơn bà C trả lại cho nguyên đơn bà Trần Ngọc L số tiền đã nhận. Không chấp nhận yêu cầu cả bà L đòi bà C trả lại số tiền lãi do tham gia hợp đồng góp hui phát sinh là có căn cứ. Mặt khác do giao dịch này bị vô hiệu và các dây hui hiện nay cũng chưa mãn. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc bà C trả lại cho bà Trần Ngọc L số tiền đã nhận là 19.080.000đ và trả sau khi án có hiệu lực pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của bà C là trả sau khi mãn hui và cũng không chấp nhận yêu cầu của bà L đòi bà C trả lại số tiền đưa cho bà C góp hui và cộng thêm phần lãi phát sinh của hợp đồng góp hui là phù hợp qui định tại Điều 131 của Bộ luật dân sự.

Đối với hợp đồng góp hui giữa bà C với bà Trần Thị N và bà Nguyễn Thị L, do không có phát sinh tranh chấp các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[3] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 19.080.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền chênh lệch không được chấp nhận theo qui định pháp luật. Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 131, 562, 563 và 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc L.

- Buộc bà Trần Thị C trả cho bà L số tiền đã nhận là 19.080.000 đồng. (Mười chín triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).

Thời gian trả: Trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà C chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà C phải chịu 954.000đ (Chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Bà L phải chịu 246.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 600.000 đồng theo biên lai số 0004380 ngày 16/11/2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Nên hoàn lại cho bà Ngọc Lan số tiền 354.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa hôm nay được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án. Để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG